

VĂN PHÒNG CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

12/2014

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Văn phòng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Văn phòng Công ty”) cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc

3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con, liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô số 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- | | |
|---|---|
| - Công ty Cổ phần SMC Hà Nội | Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội |
| - Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo | Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu |
| - Công ty TNHH SMC – SUMMIT | KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu. |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (đã giải thể) | 147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Công ty TNHH SMC TOAMI | Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu |

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Văn phòng Công ty vào ngày 30/6/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 31.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Văn phòng Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Anh
Chủ tịch
Ngày 26 tháng 8 năm 2015



Số: 114.A/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC được soạn thảo ngày 26 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015, và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC tại ngày 30/6/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2015
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN VĂN TUYÊN
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HÒ ĐẮC HIỀU
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458 -2013-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100		2.235.720.342.226	2.138.400.102.903
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	381.415.814.535	307.955.427.016
1. Tiền	111		316.415.814.535	80.455.427.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	227.500.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	439.169.894.000	616.895.045.167
1. Đầu tư ngắn hạn	121		444.161.430.622	620.513.509.789
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(4.991.536.622)	(3.618.464.622)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	1.225.527.407.127	1.059.754.876.116
1. Phải thu khách hàng	131		739.577.662.302	1.012.472.437.444
2. Trả trước cho người bán	132		19.220.776.363	52.100.363.904
3. Các khoản phải thu khác	135		490.531.484.926	7.991.885.289
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(23.802.516.464)	(12.809.610.521)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	143.368.537.461	115.299.465.591
1. Hàng tồn kho	141		143.973.432.355	117.046.897.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(604.894.894)	(1.747.431.440)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	46.238.689.103	38.495.289.013
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.425.750.264	5.379.352.979
2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		25.054.238.839	25.054.238.839
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.758.700.000	8.061.697.195
B. Tài sản dài hạn	200		499.160.902.293	534.356.065.845
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		115.208.029.999	125.584.300.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	42.568.668.438	45.085.156.459
- Nguyên giá	222		75.793.665.851	75.793.665.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.224.997.413)	(30.708.509.392)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	26.348.970.723	28.781.183.405
- Nguyên giá	225		38.915.402.909	38.915.402.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.566.432.186)	(10.134.219.504)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	36.355.772.830	36.446.203.968
- Nguyên giá	228		37.028.979.341	37.028.979.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(673.206.511)	(582.775.373)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	9.934.618.008	15.271.756.584
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	V.10	5.337.138.576	-
1. Nguyên giá	241		5.337.138.576	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.11	346.911.286.293	393.590.591.569
1. Đầu tư vào công ty con	251		372.318.851.600	346.346.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.324.500.000	43.390.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		76.970.767.544	76.970.767.544
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(161.702.832.851)	(73.116.175.975)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.12	31.704.447.425	15.181.173.860
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.817.756.681	1.847.883.958
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.885.213.101	10.331.812.259
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.001.477.643	3.001.477.643
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.734.881.244.520	2.672.756.168.748



11/11/2015 10:30:00 AM
 11/11/2015 10:30:00 AM
 11/11/2015 10:30:00 AM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
A. Nợ phải trả	300		2.253.991.960.400	2.138.974.770.605
I. Nợ ngắn hạn	310	V.13	2.234.202.829.070	2.115.467.515.308
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.437.376.376.364	1.627.402.229.175
2. Phải trả người bán	312		633.804.978.742	452.574.862.870
3. Người mua trả tiền trước	313		4.509.876.339	7.621.010.424
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		153.553.616	147.610.314
5. Chi phí phải trả	316		14.232.853.132	5.164.855.252
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		143.754.344.843	22.082.423.670
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		370.846.034	474.523.603
II. Nợ dài hạn	330		19.789.131.331	23.507.255.297
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	16.761.298.871	20.909.745.046
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.027.832.460	2.597.510.251
B. Vốn chủ sở hữu	400		480.889.284.119	533.781.398.143
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	480.889.284.119	533.781.398.143
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		90.377.888.372	74.960.097.238
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	15.417.791.134
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ)	420		(58.061.491.613)	(5.169.377.589)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.734.881.244.520	2.672.756.168.748

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


	30/6/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	187.223.826	187.223.826
5. Ngoại tệ các loại - USD	729.343.18	205.887.89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


 Nguyễn Thị Hồng Phúc
 Người lập biểu


 Đỗ Doãn Thành Công
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 8 năm 2015

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		3.705.889.173.944	3.299.121.395.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		507.120.239	158.618.513
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	3.705.382.053.705	3.298.962.777.449
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	3.629.679.528.807	3.237.545.563.086
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.702.524.898	61.417.214.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	37.237.395.648	36.839.388.808
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	135.733.390.958	49.536.914.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi hỗ trợ vốn	23		38.474.091.142	21.840.626.972
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			89.959.728.876	14.527.199.831
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	37.671.927.933	32.279.844.514
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	24.259.724.767	17.999.945.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ)	30		(84.725.123.112)	(1.560.101.409)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	19.479.671.565	36.506.425.484
12. Chi phí khác	32	VI.08	2.608.111.065	32.349.424.998
13. Lợi nhuận khác	40		16.871.560.500	4.157.000.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ)	50		(67.853.562.612)	2.596.899.077
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(16.553.400.842)	(1.719.067.375)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ)	60		(51.300.161.770)	4.315.966.452

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


 Nguyễn Thị Hồng Phúc
 Người lập biểu


 Đỗ Doãn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(67.853.562.612)	2.596.899.077
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	34.313.811.062	8.586.193.863
Các khoản dự phòng	03	99.810.098.273	13.778.523.072
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.863.085.497	3.914.461.070
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.143.377.865)	(31.187.234.624)
Chi phí lãi vay	06	38.474.091.142	20.634.268.693
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	53.464.145.497	18.323.111.151
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(179.040.374.492)	148.155.890.246
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(26.926.535.324)	58.232.111.241
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	277.618.397.347	(151.190.271.658)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	30.127.277	(193.470.227)
Tiền lãi vay đã trả	13	(38.449.197.165)	(19.554.792.970)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5.638.480.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(2.345.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.696.563.140	59.408.712.653
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(1.373.143.471)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	31.095.234.529
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.000.000.000)	(121.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	221.352.079.167	19.814.317.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.972.851.600)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.770.326.475	6.442.735.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	182.149.554.042	(65.020.856.382)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.405.833.300.380	2.984.398.598.023
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.598.425.616.247)	(2.653.804.058.004)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.746.769.712)	(2.819.425.130)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.853.492.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(195.339.085.579)	318.921.621.989
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	73.507.031.603	313.309.478.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	307.955.427.016	164.109.866.435
	61	(46.644.084)	221.713.977
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	381.415.814.535	477.641.058.672

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Hồng Phúc

Người lập biểu

Đỗ Đoàn Thành Công

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Đà Nẵng.

3 Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2015: 82 người

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	82,11%	82,11%
Công Ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75,00%	75,00%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50,00%	50,00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đã giải thể	35,00%	35,00%
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	25,00%	25,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Cho năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Riêng Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã chọn lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	42 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 20 năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hiện tại, bất động sản đầu tư đang được Công ty ghi nhận và hạch toán theo giá trị sổ sách kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

8. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị

08 năm

9. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

17. Ghi nhận chi phí

- Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	01/01/2015
Tiền mặt	2.680.220.951	1.593.805.038
Tiền gửi ngân hàng	(*) 313.735.593.584	78.861.621.978
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm	65.000.000.000	227.500.000.000
Cộng	381.415.814.535	307.955.427.016

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 729,343.18 USD tương đương 15.871.236.941 đồng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	30/6/2015	01/01/2015
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 6,1% - 9%/năm	427.400.000.000	600.552.079.167
Cho vay ngắn hạn	(2.1) 9.200.000.000	12.400.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.2) 7.561.430.622	7.561.430.622
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.2) (4.991.536.622)	(3.618.464.622)
Cộng	439.169.894.000	616.895.045.167

(2.1) Bao gồm:

	30/6/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Thép Việt Nga (lãi suất 7,5%/năm)	8.800.000.000	-
Công ty CP Thép Kim Khang (lãi suất 9%/năm)	400.000.000	2.400.000.000
Công ty CP Đầu tư Nam Long (lãi suất 12%/năm)	-	10.000.000.000
Cộng	9.200.000.000	12.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2.2) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2015

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	170.670	3.953.038.722	(2.792.482.722)	1.160.556.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Vận tải Biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (trước đây là Công ty CP Inlaco Sài Gòn)	55.000	1.830.000.000	(1.830.000.000)	-
(*) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
(*) Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
(*) Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Cộng		7.561.430.622	(4.991.536.622)	2.569.894.000

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 77.428.640 đồng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/6/2015	01/01/2015
Phải thu khách hàng	(3.1) 739.577.662.302	1.012.472.437.444
Trả trước cho người bán	(3.2) 19.220.776.363	52.100.363.904
Phải thu khác	(3.3) 490.531.484.926	7.991.685.289
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.4) (23.802.516.464)	(12.809.610.521)
Cộng	1.225.527.407.127	1.059.754.876.116

(3.1) Bao gồm:

	30/6/2015	01/01/2015
- Phải thu thương mại	(*) 257.972.809.140	288.345.453.019
- Phải thu chi nhánh Đà Nẵng	12.021.962.086	1.981.433.734
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	469.582.891.076	722.145.550.691
Cộng	739.577.662.302	1.012.472.437.444

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 3,030,579.30 USD tương đương 66.021.170.050 đồng.

(3.2) Bao gồm:

	30/6/2015	01/01/2015
- Trả trước thương mại	(*) 8.990.625.571	41.870.213.112
- Trả trước đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	10.230.150.792	10.230.150.792
Cộng	19.220.776.363	52.100.363.904

(*) Trong đó, bao gồm khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 399,615.89 USD tương đương 8.703.634.084 đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2015	01/01/2015
(3.3) Bao gồm:		
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, lãi cho vay	6.750.082.778	1.283.013.605
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.1)	479.141.830.274	287.072.784
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	3.478.767.870	5.666.894.060
- Khoản cho mượn đến nhân viên	500.000.000	500.000.000
- Các khoản phải thu khác	660.804.004	254.704.840
Cộng	490.531.484.926	7.991.685.289
(3.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:		
- Số dư đầu năm	(12.809.610.521)	
- Trích lập dự phòng	(11.021.811.943)	
- Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	28.906.000	
- Số dư cuối kỳ	(23.802.516.464)	
4. Hàng tồn kho		
Hàng hoá	143.973.432.355	117.046.897.031
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*) (604.894.894)	(1.747.431.440)
Cộng	143.368.537.461	115.299.465.591
(*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
- Số dư đầu năm	(1.747.431.440)	
- Trích lập dự phòng	-	
- Hoàn nhập dự phòng	1.142.536.546	
- Số dư cuối kỳ	(604.894.894)	
5. Tài sản ngắn hạn khác		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14.425.750.264	5.379.352.979
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(5.1) 25.054.238.839	25.054.238.839
Tài sản ngắn hạn khác	(5.2) 6.758.700.000	8.061.697.195
Cộng	46.238.689.103	38.495.289.013
(5.1) Bao gồm:		
- Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn	23.541.653.407	23.541.653.407
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.512.585.432	1.512.585.432
Cộng	25.054.238.839	25.054.238.839
(5.2) Bao gồm:		
- Các khoản tạm ứng	4.785.700.000	4.508.131.195
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	1.973.000.000	1.973.000.000
- Ký quỹ mua hàng hoá (74,000.00 USD)	-	1.580.566.000
Cộng	6.758.700.000	8.061.697.195



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23.815.366.083	21.083.432.937	16.486.054.118	14.408.812.713	75.793.665.851
Tăng	-	29.303.197.004	-	-	29.303.197.004
Giảm	-	29.303.197.004	-	-	29.303.197.004
Số dư cuối kỳ	23.815.366.083	21.083.432.937	16.486.054.118	14.408.812.713	75.793.665.851
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.833.971.763	1.928.305.069	10.001.956.475	12.944.276.085	30.708.509.392
Tăng	418.171.782	30.146.364.994	1.032.911.424	193.719.042	31.791.167.242
Giảm	-	29.274.679.221	-	-	29.274.679.221
Số dư cuối kỳ	6.252.143.545	2.799.990.842	11.034.867.899	13.137.995.127	33.224.997.413
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	17.981.394.320	19.155.127.868	6.484.097.643	1.464.536.628	45.085.156.459
Số dư cuối kỳ	17.563.222.538	18.283.442.095	5.451.186.219	1.270.817.586	42.568.668.438

TSCĐ tăng và giảm trong kỳ là do điều chuyển từ Công ty TNHH Thép SMC (Công ty con 100% vốn) về Công ty có nguyên giá là 29.303.197.004 đồng và khấu hao lũy kế là 29.274.679.221 đồng. Công ty đem tài sản đi góp vốn thành lập Công ty TNHH SMC TOAMI.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.700.885.332 đồng.

Tại ngày 30/6/2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 32.096.934.736 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

7. Tài sản cố định thuê tài chính (máy móc thiết bị)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá	38.915.402.909	-	-	38.915.402.909
Hao mòn lũy kế	10.134.219.504	2.432.212.682	-	12.566.432.186
Giá trị còn lại	28.781.183.405			26.348.970.723

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	3.421.079.341	37.028.979.341
Số dư cuối kỳ	(*) 33.607.900.000	3.421.079.341	37.028.979.341
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	582.775.373	582.775.373
Tăng	-	90.431.138	90.431.138
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	673.206.511	673.206.511
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	2.838.303.968	36.446.203.968
Số dư cuối kỳ	33.607.900.000	2.747.872.830	36.355.772.830

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên giá phần mềm cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 342.393.816 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng. Quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2015	01/01/2015
Mua sắm tài sản cố định	9.934.618.008	9.934.618.008
Giá trị 2 căn hộ tại Era Town	-	5.337.138.576
Cộng	9.934.618.008	15.271.756.584

10. Bất động sản đầu tư				
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
- 2 căn hộ Era town	-	5.337.138.576	-	5.337.138.576
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- 2 căn hộ Era town	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- 2 căn hộ Era town	-	-	-	5.337.138.576

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30/6/2015	01/01/2015
Đầu tư vào công ty con	(11.1) 372.318.851.600	346.346.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(11.1) 59.324.500.000	43.390.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(11.2) 76.970.767.544	76.970.767.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(11.3) (161.702.832.851)	(73.116.175.975)
Cộng	346.911.286.293	393.590.591.569

(11.1) Bao gồm:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 30/6/2015
Đầu tư vào công ty con			
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100,00%	100,00%	100.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	100,00%	100,00%	80.000.000.000
(*) - Công ty TNHH Thép SMC	100,00%	100,00%	60.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100,00%	100,00%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100,00%	100,00%	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100,00%	100,00%	20.000.000.000
- Công ty CP SMC Hà Nội	82,11%	82,11%	26.346.000.000
- Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo	75,00%	75,00%	25.972.851.600
Cộng			372.318.851.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	50,00%	50,00%	41.640.000.000
- Công ty TNHH SMC Toami	25,00%	25,00%	15.934.500.000
(**) - Công ty CP SX TM Vật tư Sao Việt	35,00%	35,00%	1.750.000.000
Cộng			59.324.500.000

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được lợi nhuận năm 2014 chuyển về từ công ty này bằng tiền là 7.537.758.752 đồng.

(**) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thoả thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên.

(11.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng đầu tư dài hạn khác tại thời điểm 30/6/2015

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	1.200.000	28.099.960.344	(19.939.960.344)	8.160.000.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200	(9.052.885.200)	3.122.922.000
Công ty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000	(2.191.000.000)	529.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	(799.475.512)	9.300.524.488
Cộng		76.970.767.544	(45.983.321.056)	30.987.446.488

(*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 255.922.760 đồng.

(11.3) Bao gồm:

	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Đầu tư vào công ty con	372.318.851.600	(114.384.261.795)	257.934.589.805
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	59.324.500.000	(1.335.250.000)	57.989.250.000
Đầu tư dài hạn khác	76.970.767.544	(45.983.321.056)	30.987.446.488
Cộng	508.614.119.144	(161.702.832.851)	346.911.286.293

12. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2015	01/01/2015
Chi phí trả trước dài hạn	(12.1) 1.817.756.681	1.847.883.958
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(12.2) 26.885.213.101	10.331.812.259
Tài sản dài hạn khác	(12.3) 3.001.477.643	3.001.477.643
Cộng	31.704.447.425	15.181.173.860

(12.1) Trong đó, chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046, có giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 1.817.756.681 đồng. Công ty đã đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.2) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		30/6/2015	01/01/2015		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		5.236.553.622	2.818.114.315		
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		4.033.431.471	3.846.936.841		
- Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		17.615.228.008	3.666.761.103		
Cộng		26.885.213.101	10.331.812.259		
(12.3) Bao gồm:		30/6/2015	01/01/2015		
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho hợp đồng thuê tài chính		3.001.477.643	3.001.477.643		
13. Nợ ngắn hạn		30/6/2015	01/01/2015		
Vay và nợ ngắn hạn	(13.1)	1.437.376.376.364	1.627.402.229.175		
Phải trả người bán	(13.2)	633.804.978.742	452.574.862.870		
Người mua trả tiền trước		4.509.876.339	7.621.010.424		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(13.3)	153.553.616	147.610.314		
Chi phí phải trả	(13.4)	14.232.853.132	5.164.855.252		
Các khoản phải trả khác	(13.5)	143.754.344.843	22.082.423.670		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		370.846.034	474.523.603		
Cộng		2.234.202.829.070	2.115.467.515.308		
(13.1) Bao gồm:		01/01/2015	Tăng	Giảm	30/6/2015
- NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam)		124.292.675.546	259.028.983.637	383.321.659.183	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam		282.249.164.251	549.298.845.605	532.003.436.507	299.544.573.349
- NH TMCP Công Thương Việt Nam		960.384.264.390	1.569.865.694.098	1.627.556.071.258	902.693.887.230
- NH TMCP Quân đội - CN TPHCM		64.952.432.003	223.910.100.012	195.038.716.209	93.823.815.806
- NH TNHH MTV Standard Chartered		132.714.701.805	655.130.463.495	690.459.721.761	97.385.443.539
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		44.941.203.204	96.931.889.125	141.873.092.329	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu		-	22.900.000.000	22.900.000.000	-
- Ngân hàng TMCP SGTT		-	12.111.000	12.111.000	-
- Vay các cá nhân		8.917.000.000	29.920.000.000	3.980.000.000	34.857.000.000
Cộng vay		1.618.451.441.199	3.406.998.086.972	3.597.144.808.247	1.428.304.719.924
- Phần ngắn hạn của khoản nợ dài hạn (Mục 14*)		8.950.787.976			9.071.656.440
Cộng vay và nợ ngắn hạn		1.627.402.229.175			1.437.376.376.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013 và các phụ lục đính kèm với hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: 01 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: đối với VND là từ 4,3 đến 4,5%/năm, đối với USD 2,1%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **299.544.573.349 đồng**, bao gồm: 283.168.312.868 đồng và 750.000.48 USD tương đương 16.376.260.481 đồng.

Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo 5 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 800,5 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 02 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: đối với VND là từ 2,12% đến 4,3%/năm, USD là 2,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **902.693.877.230 đồng**, bao gồm: 765.751.240.871 đồng và 6,271,703.52 USD tương đương 136.942.646.359 đồng.

Khoản vay **Ngân hàng TMCP Quân Đội** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 201.14.110.813881.TD ngày 10/7/2014 và hợp đồng sửa đổi ngày 28/7/2014 với hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay: 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 4,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo là hàng hóa hiện hữu của Công ty, khoản phải thu hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **93.823.815.806 đồng**.

Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số SBFL/14-43 ngày 13/5/2014 với hạn mức tín dụng là 20,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: đối với VND là 4,2%/năm, USD là 2,1%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **97.385.443.539 đồng**, bao gồm: 24.618.056.816 đồng và 3,332,603.01 USD tương đương 72.767.386.723 đồng.

Các khoản **vay cá nhân** được thực hiện theo từng biên bản thoả thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 6%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(13.2) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 9,624,224.98 USD tương đương 210.144.952.440 đồng.

(13.3) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
- Thuế thu nhập cá nhân	153.553.616	147.610.314

(13.4) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
- Lãi vay còn phải trả	1.018.585.336	1.417.993.013
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	3.531.867.664	3.107.566.010
- Chi phí phải trả khác (chi phí môi giới, phí vận chuyển, chi phí dịch vụ khác,...)	9.682.400.132	639.296.229
Cộng	14.232.853.132	5.164.855.252



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(13.5) Bao gồm:	30/6/2015	01/01/2015
- Kinh phí công đoàn	126.280.420	228.936.730
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	-	29.911.018
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	1.194.750.000	1.194.750.000
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.1)	133.243.441.732	20.430.625.309
- Phải trả Công ty CP SMC Summit liên quan đến khoản mượn hàng hóa	9.009.470.720	-
- Thù lao HĐQT và BKS còn phải trả	178.491.048	178.491.048
- Các khoản phải trả khác	1.910.923	19.709.565
Cộng	143.754.344.843	22.082.423.670

14. Vay và nợ dài hạn	30/6/2015	01/01/2015
Vay dài hạn	(14.1) 11.790.900.000	13.071.708.000
Nợ dài hạn	(14.2) 14.042.055.311	16.788.825.022
Nợ dài hạn đến hạn trả	(*) (9.071.656.440)	(8.950.787.976)
Cộng	16.761.298.871	20.909.745.046

(14.1) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HDTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: 2,85%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là 540,000.00 USD tương đương 11,790,900,000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 129,600.00 USD tương đương 2,829,816,000 đồng (*).

(14.2) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	30/6/2015	
	USD	Tương đương VND
- Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	344,770.21	7.528.057.535
- Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	298,328.27	6.513.997.775
Cộng	643,098.48	14.042.055.311
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(*) (285,864.00)	(6.241.840.440)
Cộng nợ dài hạn	357,234.48	7.800.214.871

15. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/6/2015
(a) Vốn đầu tư chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
(b) Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
(c) Quỹ đầu tư phát triển	74.960.097.238	15.417.791.134	-	90.377.888.372
Quỹ dự phòng tài chính	15.417.791.134	-	15.417.791.134	-
(d) Lợi nhuận chưa phân phối	(5.169.377.589)	(51.300.161.770)	1.591.952.254	(58.061.491.613)
Cộng	533.781.398.143	(35.882.370.636)	17.009.743.388	480.889.284.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	30/6/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(b) Tính đến 30/6/2015, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(c) Quỹ đầu tư phát triển tăng lên trong kỳ do Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

(d) Lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận (lỗ) lũy kế đến 01/01/2015	(5.169.377.589)
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phát sinh trong kỳ	(51.300.161.770)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.591.952.254)
Lợi nhuận (lỗ) lũy kế đến 30/6/2015	(58.061.491.613)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng hoá	3.697.290.701.205	3.296.523.595.372
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.598.472.739	2.597.800.590
Hàng bán bị trả lại	-	(158.618.513)
Giảm giá hàng bán	(507.120.239)	-
Cộng	3.705.382.053.705	3.298.962.777.449
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thép các loại xuất bán	3.630.822.065.353	3.237.292.001.616
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.142.536.546)	253.561.470
Cộng	3.629.679.528.807	3.237.545.563.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.506.694.794	5.781.945.330
Lãi ký quỹ, lãi cho vay	1.756.534.167	611.438.889
Lãi ứng vốn	8.103.056.535	9.877.747.751
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	7.664.831.597
Lãi bán chứng khoán	-	14.317.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.871.110.152	12.889.108.241
Cộng	37.237.395.648	36.839.388.808
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	33.849.621.441	19.543.933.267
Chi phí lãi hỗ trợ vốn nhận từ Công ty con	1.092.602.037	1.090.335.426
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VND tham chiếu lãi suất USD	3.531.867.664	1.206.358.279
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	89.959.728.876	14.527.199.831
Lỗ bán chứng khoán	-	23.856.740
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.299.570.940	13.145.230.623
Cộng	135.733.390.958	49.536.914.166
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	3.501.606.903	2.666.996.752
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	5.454.419
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.753.821	250.142.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.927.032.405	21.756.792.230
Chi phí bằng tiền khác	6.940.534.804	7.600.458.817
Cộng	37.671.927.933	32.279.844.514
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.097.592.276	3.631.218.168
Chi phí dụng cụ văn phòng	117.656.823	152.462.424
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.304.165.338	5.908.860.098
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	10.992.905.943	(1.002.238.229)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.361.467.024	7.803.172.834
Chi phí bằng tiền khác	1.385.937.363	1.506.470.605
Cộng	24.259.724.767	17.999.945.900

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
7. Thu nhập khác		
Thu do nhượng bán tài sản cố định	-	31.095.234.529
Thu nhập do đánh giá lại tài sản đi góp vốn	15.905.982.217	-
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuê tài chính	3.112.500.000	3.112.500.000
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	-	198.516.667
Thu từ nhận bồi thường	384.888.955	206.947.846
Xử lý hàng hoá thừa kiểm kê	-	941.494.132
Thu lãi quá hạn	-	939.709.410
Thu nhập khác	76.300.393	12.022.900
Cộng	19.479.671.565	36.506.425.484
8. Chi phí khác		
Chi phí nhượng bán tài sản cố định	-	29.388.183.376
Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính sử dụng cho thuê	2.432.212.682	2.432.212.682
Chi phí phạt	1.400.000	2.500.000
Xử lý hàng hóa thiếu kiểm kê	-	493.760.037
Xử lý chênh lệch khoản thuế GTGT giữa kê khai và sổ sách	-	32.768.903
Chi phí khác	174.498.383	-
Cộng	2.608.111.065	32.349.424.998
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(67.853.562.612)	2.596.899.077
Các khoản điều chỉnh tăng	12.322.550.469	107.311.599
Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(7.871.110.152)	(12.889.108.241)
Thu nhập tính thuế ước tính	(63.402.122.295)	(10.184.897.565)
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
10. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(2.418.439.307)	220.492.410
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(186.494.629)	242.297.468
- Lỗi tính thuế chưa sử dụng	(13.948.466.905)	(2.240.677.464)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	58.820.211
Cộng	(16.553.400.842)	(1.719.067.375)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.656.823	157.916.843
Chi phí nhân công	7.599.199.179	6.298.214.920
Chi phí khấu hao	5.039.131.841	8.591.215.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.288.499.429	29.559.965.064
Chi phí khác bằng tiền	8.326.472.167	9.106.929.422
Cộng	53.370.959.439	53.714.241.325

VII. Thông tin khác

1. Số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải thu	44.684.903.252
		Phải thu khác	62.984.291.805
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	275.548.114.515
		Phải thu khác	400.662.804.475
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Phải thu	34.993.177.702
		Phải thu khác	10.470.235.930
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải thu	5.353.711.095
		Phải trả khác	(55.486.794.861)
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Phải trả khác	(10.762.639.276)
		Phải thu	22.242.096.140
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Phải thu khác	5.024.498.055
		Trả trước người bán	10.230.150.792
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Phải thu	318.352.942
		Phải trả khác	(66.994.007.095)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải thu	81.326.951.275
		Phải trả khác	(9.009.470.720)
Công Ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Công ty con	Phải thu	19.166.400
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Công ty liên doanh	Phải thu	5.096.417.755
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả khác	(1.194.750.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hoá	55.608.204.299
		Cung cấp dịch vụ	3.000.000
		Lãi ứng vốn	1.654.884.777
		Nhận lợi nhuận được chia	7.537.758.752
		Mua tài sản	(28.517.783)
		Mua hàng hoá	(4.067.760.000)
		Chi phí lãi ứng vốn	(54.676.569)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(9.390.200)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hoá	201.854.940.660
		Cung cấp dịch vụ	206.580.000
		Lãi ứng vốn	205.373.375
		Chi phí lãi ứng vốn	(381.318.407)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Mua hàng hoá	(16.279.744.212)
		Bán hàng hoá	454.849.565.514
		Lãi ứng vốn	5.310.021.197
		Mua hàng hoá	(19.079.723.691)
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(187.166.498)
		Bán hàng hoá	343.239.157.340
		Cung cấp dịch vụ	6.000.000
		Lãi ứng vốn	214.335.939
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hoá	(27.178.895.130)
		Bán hàng hoá	83.484.651.700
		Cung cấp dịch vụ	3.112.500.000
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Công ty con	Lãi ứng vốn	189.239.721
		Bán hàng hoá	7.370.791.418
		Cung cấp dịch vụ	1.736.470.590
		Lãi ứng vốn	529.201.526
		Chi phí lãi ứng vốn	(7.312.501)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Mua hàng hoá	(656.607.061)
		Mượn hàng hóa	(9.009.470.720)
		Mua hàng hoá	(17.627.343.939)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Cam kết khác

- Công ty cam kết cho thuê 01 dây chuyền máy cắt thép lá và 01 dây chuyền xà băng thép lá đến Công ty Cổ phần SMC Hà Nội (công ty con) theo hợp đồng thuê mua tài sản máy móc thiết bị số 434/SMC-2012; 435/SMC-2012 ngày 05/11/2012 và các phụ lục:

+ Thời gian thuê: từ ngày 01/11/2012 đến 31/12/2020. Công ty Cổ phần SMC Hà Nội sẽ được toàn quyền sở hữu tài sản tại thời điểm hoàn tất thanh toán toàn bộ giá trị tài sản thuê mua theo hợp đồng.

+ Tiền thuê mua: 6.225.000.000 đồng / năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại tại ngày 01/01 mỗi năm và điều chỉnh (nếu có) bằng phụ lục hợp đồng với mức tăng/giảm tối đa +/-10% tiền thuê mua.

+ Thanh toán tiền thuê: ân hạn 02 tháng kể từ ngày 01/11/2012 và thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

- Tại ngày 30/6/2015, Công ty đã bảo lãnh cho các khoản gốc vay phải trả của Công ty Cổ phần SMC Hà Nội và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC (các công ty con của Công ty) với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với tổng số dư nợ vay là 104 tỷ đồng.


Nguyễn Thị Hồng Phúc
Người lập biểu


Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

